

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2020

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: CTCP SÁCH GIÁO DỤC TẠI TPHCM
2. Mã chứng khoán: SGD
3. Địa chỉ trụ sở chính: 363 Hưng Phú - Phường 9 - Quận 8 – TPHCM
4. Điện thoại: 08.39540600 – 08.39540601 Fax: 08.39540598
5. Người được UQ CBTT: Nguyễn Minh Ngọc
6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. HCM được lập ngày 16/03/2020 bao gồm: BCĐKT, BC KQKD, BC LCTT, TM BCTC.

7. Nội dung giải trình:

7.1 BCTC hợp nhất: Lợi nhuận sau thuế năm 2019 giảm 21% so với cùng kỳ do: Doanh thu năm 2019 giảm 8% so với cùng kỳ, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 12% so với cùng kỳ. Doanh thu tài chính tăng 34% và chi phí tài chính giảm 24% so với cùng kỳ.

7.2 Loại trừ doanh thu do hợp nhất, nhận cổ tức từ Công ty con:

(1) CTCP Sách TBTH Đông Nai) năm 2018: 924.994.651đ và 2019: 925.146.451đ

(2) Cty CP Sách TBTH Vĩnh Long năm 2019: 170.448.000 đồng

dẫn đến lợi nhuận sau thuế của quý năm 2019 giảm 21% so với cùng kỳ năm 2018.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.sgd.edu.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TC-HC-TH.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT



NGUYỄN MINH NGỌC



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
GIÁO DỤC TẠI TP HỒ CHÍ MINH**
Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 37

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 03/04/2019 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2019 của Công ty là 41.370.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 15,28% vốn điều lệ.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 363 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 028.39540600
- Fax: (84) 028.39540598
- Website: www.sgd.edu.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách. Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên đến cuối năm tài chính là 37 người. Trong đó nhân viên quản lý là 9 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------------|----------|--|
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 07/03/2019 |
| • Bà Lâm Quỳnh Hương | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019 |
| • Ông Ngô Anh Phương | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019 |
| • Bà Lê Thị Tuyết Minh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019 |
| • Ông Nguyễn Trọng Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 07/03/2019 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014
Miễn nhiệm ngày 07/03/2019 |
| • Ông Đỗ Thành Lâm | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014
Miễn nhiệm ngày 07/03/2019 |
| • Ông Nguyễn Tuấn Kiệt | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 01/04/2017
Miễn nhiệm ngày 07/03/2019 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|--|
| • Bà Ngô Thị Thanh Huyền | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019 |
| • Ông Phan Xuân Phương | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014
Miễn nhiệm ngày 07/03/2019 |
| • Bà Đỗ Thị Phương Thảo | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 07/03/2019 |
| • Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019 |
| • Bà Huỳnh Thị Thùy Trang | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014
Miễn nhiệm ngày 07/03/2019 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|----------------------------|-------------------|--|
| • Ông Từ Thanh Phụng | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 26/03/2019
Miễn nhiệm ngày 15/08/2019 |
| • Ông Nguyễn Tuấn Kiệt | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 12/10/2016
Miễn nhiệm ngày 26/03/2019 |
| • Ông Nguyễn Ái Bình | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 15/08/2019 |
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty đã ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc Công ty là Ông Nguyễn Ái Bình ký Báo cáo tài chính theo Giấy ủy quyền Số 271/QĐ – TC ngày 15/08/2019.

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Ái Bình

Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 318/2020/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất lập ngày 16/03/2020 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm, từ trang 5 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 16 tháng 03 năm 2020

Dương Thị Hằng – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3947-2017-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 01 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		75.994.708.330	78.981.003.573
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	19.452.998.195	26.368.087.434
1. Tiền	111		7.308.531.937	7.940.071.310
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.144.466.258	18.428.016.124
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.020.723.617	5.185.530.423
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.a	5.486.543.092	5.531.249.092
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6.a	(465.819.475)	(345.718.669)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.878.945.410	25.965.169.223
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	14.752.449.021	22.883.086.917
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	4.852.727.685	4.205.371.337
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	10.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	1.300.172.836	1.107.783.145
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(1.026.404.132)	(2.231.072.176)
IV. Hàng tồn kho	140	12	21.350.862.871	21.305.783.799
1. Hàng tồn kho	141		21.361.048.405	23.818.544.514
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.185.534)	(2.512.760.715)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		291.178.237	156.432.694
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	29.175.432	53.642.842
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	262.002.805	102.789.852
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			21.922.475.016	23.554.087.977
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		12.941.385.747	13.445.270.258
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15	6.473.228.875	6.977.113.386
- Nguyên giá	222		15.024.857.033	15.213.045.082
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.551.628.158)	(8.235.931.696)
2. Tài sản cố định vô hình	227	16	6.468.156.872	6.468.156.872
- Nguyên giá	228		6.545.856.872	6.545.856.872
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(77.700.000)	(77.700.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		429.842.122	287.846.100
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	429.842.122	287.846.100
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.516.244.306	1.780.085.001
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.b	2.000.000.000	2.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(483.755.694)	(219.914.999)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.035.002.841	8.040.886.618
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	6.225.187.412	7.099.197.828
2. Lợi thế thương mại	269		809.815.429	941.688.790
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		97.917.183.346	102.535.091.550

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
C. Nợ phải trả	300		33.202.091.149	33.365.254.545
I. Nợ ngắn hạn	310		32.628.843.799	32.870.754.545
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	19.404.687.159	17.872.358.569
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	3.981.223.694	4.941.511.432
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	14	328.700.208	460.809.739
4. Phải trả người lao động	314		6.413.039.571	5.080.220.667
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	2.450.004.739	4.084.162.864
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21.a	237.658.986	559.273.036
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22.a	52.500.000	112.500.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(238.970.558)	(240.081.762)
II. Nợ dài hạn	330		573.247.350	494.500.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	21.b	470.747.350	472.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22.b	102.500.000	22.500.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		64.715.092.197	69.169.837.005
I. Vốn chủ sở hữu	410		64.715.092.197	69.169.837.005
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	23	41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	23	2.248.038.395	2.231.928.660
3. Cổ phiếu quỹ	415	23	(679.873.904)	(679.873.904)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	23	5.103.942.015	5.215.707.299
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23	5.496.043.467	10.427.061.253
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.681.818.108	5.240.417.700
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(185.774.641)	5.186.643.553
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		11.176.942.224	10.605.013.697
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		97.917.183.346	102.535.091.550



Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Ái Bình
Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Đỗ Thị Ngọc Hà

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH HỢP NHẤT**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 02 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	24	172.688.844.796	188.766.664.381
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	3.181.680.991	3.625.771.399
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		169.507.163.805	185.140.892.982
4. Giá vốn hàng bán	11	26	143.057.611.421	153.507.093.412
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ	20		26.449.552.384	31.633.799.570
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	2.138.654.482	1.600.350.823
7. Chi phí tài chính	22	28	463.177.487	608.097.288
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		79.235.986	113.026.266
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	29.a	12.041.053.762	14.000.867.636
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29.b	10.086.257.344	11.132.909.499
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.997.718.273	7.492.275.970
12. Thu nhập khác	31	30	170.141.407	105.340.571
13. Chi phí khác	32	31	200.683.914	126.918.536
14. Lợi nhuận khác	40		(30.542.507)	(21.577.965)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.967.175.766	7.470.698.005
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	974.703.880	1.481.661.353
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		4.992.471.886	5.989.036.652
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		3.857.225.359	5.186.643.553
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.135.246.527	802.393.099
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	954	1.283
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	954	1.283

Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Ái Bình

Nguyễn Thị Lan Phương

Đỗ Thị Ngọc Hà

Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 03 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.967.175.766	7.470.698.005
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ, BĐSĐT và phân bổ lợi thế thương mại	02	979.684.955	993.603.017
- Các khoản dự phòng	03	(2.013.221.724)	397.320.990
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.784.269.328)	(1.155.709.403)
- Chi phí lãi vay	06	79.235.986	113.026.266
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08	3.228.605.655	7.818.938.875
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	7.133.935.632	(2.863.015.904)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.457.496.109	(1.005.175.727)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	10.346.885	1.313.252.514
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	772.556.834	591.472.370
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	44.706.000	3.581.456.883
- Tiền lãi vay đã trả	14	(80.220.362)	(112.041.890)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.313.820.430)	(1.413.999.330)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(60.900.000)	(37.846.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	12.192.706.323	7.873.041.791
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(1.478.002.113)	(938.894.668)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	1.818.182	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-	500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(20.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.734.937.943	1.196.333.218
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.741.245.988)	737.438.550
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	1.110.200.000	-
2. Tiền trả lại VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	-	(1.437.440.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	35.661.037.000	23.213.116.618
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(35.641.037.000)	(23.303.116.618)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.496.749.574)	(4.869.013.762)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.366.549.574)	(6.396.453.762)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(6.915.089.239)	2.214.026.579
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	26.368.087.434	24.154.060.855
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	19.452.998.195	26.368.087.434



Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Ái Bình
Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Đỗ Thị Ngọc Hà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 03/04/2019 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách. Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có 2 công ty con:

- Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long

Địa chỉ: Số 23 đường Lê Văn Tám, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Ngành nghề kinh doanh chính: Phát hành các loại sách dùng trong nhà trường, phân phối cung ứng các loại thiết bị trường học.

Tỷ lệ sở hữu: 78,86%

- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đồng Nai

Địa chỉ: Số 10 Võ Thị Sáu, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán sách giáo khoa, sách bài tập, sách tham khảo, các loại ấn phẩm, cung ứng thiết bị trường học.

Tỷ lệ sở hữu: 55,99%

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con.

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Công ty.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.1.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng có khả năng không đòi được,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính. Theo đó, dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng có khả năng không đòi được.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Tài sản cố định khác	4

4.7 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất không thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hoá vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong năm tài chính được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hoá chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc niên độ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.19 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản vay, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
 - ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%.
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
Tiền mặt	588.743.316	500.744.197
Tiền gửi ngân hàng	6.719.788.621	7.439.327.113
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	12.144.466.258	18.428.016.124
Cộng	19.452.998.195	26.368.087.434

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Chứng khoán kinh doanh	5.486.543.092	7.038.320.200	465.819.475	5.531.249.092	7.228.504.180	345.718.669
+ Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục (ECI)	3.044.031.947	4.300.200.000	-	3.044.031.947	4.467.430.000	-
+ Công ty CP sách GD TP Hà Nội (EBS)	95.578	80.000	15.578	95.578	103.000	-
+ Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận (BST)	303.271.470	1.064.700.000	-	303.271.470	905.580.000	-
+ Công ty CP Sông Đà 4 (SD4)	36.365.340	11.100.000	25.265.340	36.365.340	18.900.000	17.465.340
+ Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (VE8)	992.861.234	788.400.000	204.461.234	992.861.234	797.160.000	195.701.234
+ Công ty CP Tập đoàn FLC (FLC)	954.277.275	739.160.200	215.117.075	954.277.275	825.931.180	128.346.095
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà HUD2 (HD2)	155.640.248	134.680.000	20.960.248	155.640.248	172.900.000	-
+ Công ty CP Cao Su Sao Vàng (SRC)	-	-	-	44.706.000	40.500.000	4.206.000
Cộng	5.486.543.092	7.038.320.200	465.819.475	5.531.249.092	7.228.504.180	345.718.669

Biến động trong năm

	Tăng trong năm		Giảm trong năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Tổng giá trị cổ phiếu	-	-	3.000	44.706.000
+ Công ty CP Cao Su Sao Vàng (SRC)	-	-	3.000	44.706.000
Cộng	-	-	3.000	44.706.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình hoạt động					31/12/2019				01/01/2019	
	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	
Đầu tư vào đơn vị khác				2.000.000.000	483.755.694			2.000.000.000	219.914.999	
- Công ty CP Đầu tư xuất bản sách - TBGD Việt Nam Đang hoạt động	1,84%	1,84%	200.000	2.000.000.000	483.755.694	1,84%	1,84%	2.000.000.000	219.914.999	
Cộng				2.000.000.000	483.755.694			2.000.000.000	219.914.999	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty TNHH Sách - Thiết bị Giáo dục Đức Trí	1.034.164.712	1.094.412.065
Công ty TNHH MTV Sách và TB Trường học Đăk Nông	495.736.755	3.092.531.960
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	304.706.967	103.582.948
Các đối tượng khác	12.917.840.587	17.377.559.944
Cộng	14.752.449.021	22.883.086.917

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty liên quan	31/12/2019	01/01/2019
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	-	51.879.313
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo dục Hà Nội	6.910.040	-
Công ty CP Học liệu (EMCO)	34.109.067	28.603.301
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	-	151.537.229
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	304.706.967	103.582.948
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	11.269.660	77.395.592
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	-	299.749.758
Cộng	356.995.734	712.748.141

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	1.171.126.747	1.093.883.915
Công ty TNHH Xây Dựng Hoàn Mỹ	968.000.000	-
Công ty TNHH In và Thương mại Vĩnh Thành	2.313.383.359	2.735.564.106
Các đối tượng khác	400.217.579	375.923.316
Cộng	4.852.727.685	4.205.371.337

Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan

Công ty liên quan	31/12/2019	01/01/2019
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	49.197.573	225.761.648
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Phương Nam	1.171.126.747	1.093.883.915
Công ty CP Sách - Thiết bị giáo dục Bình Dương	89.716.450	89.716.450
Cộng	1.310.040.770	1.409.362.013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty CP Đầu tư CMC (bên liên quan) (*)	10.000.000.000	-
	10.000.000.000	-

(*) Cho vay ngắn hạn Công ty CP Đầu tư CMC theo hợp đồng vay vốn số 01/2019/HĐVV-CMC ngày 01/10/2019; Thời gian vay từ 01/10/2019 đến 01/04/2020; Số tiền vay là 10.000.000.000 đồng; Lãi suất vay là 7,5%/năm.

10. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	82.373.758	-	34.860.555	-
<i>Trong đó: Công ty CP Đầu tư CMC (Bên liên quan)</i>	<i>64.583.333</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Tạm ứng	755.420.743	-	628.583.065	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	431.458.895	-	413.420.085	-
Phải thu khác	30.919.440	29.000.000	30.919.440	29.000.000
Cộng	1.300.172.836	29.000.000	1.107.783.145	29.000.000

11. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2019	01/01/2019
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn:		
- Từ 3 năm trở lên	813.393.834	2.134.667.173
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	29.110.959	42.122.000
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	45.680.538	44.489.578
- Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	138.218.801	9.793.425
Cộng	1.026.404.132	2.231.072.176

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	201.384.815	-
Nguyên liệu, vật liệu	729.592.550	-	30.216.139	-
Chi phí SX, KD dở dang	789.382.432	-	1.163.246.162	-
Thành phẩm	6.808.391.788	-	9.022.011.251	2.432.647.426
Hàng hóa	13.033.681.635	10.185.534	13.401.686.147	80.113.289
Cộng	21.361.048.405	10.185.534	23.818.544.514	2.512.760.715

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2019 là 10.185.534 đồng.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm 31/12/2019.

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	6.391.669	15.292.873
Chi phí sửa chữa	-	15.716.430
Chi phí bảo hiểm	15.117.095	22.633.539
Phần mềm quản lý	7.666.668	-
Cộng	29.175.432	53.642.842

b. Dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	26.717.884	38.492.180
Chi phí tổ chức bản thảo	94.397.000	686.553.493
Chi phí thi công sửa chữa	59.864.712	204.023.347
Tiền thuê đất trả trước dài hạn (*)	6.044.207.816	6.170.128.808
Cộng	6.225.187.412	7.099.197.828

(*) Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long Thuê đất của Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long theo hợp đồng thuê đất số 02 ngày 15/01/2018. Thời gian thuê 50 năm kể từ ngày 22/12/2017 đến ngày 22/12/2067, diện tích đất thuê là 611,2 m² thuộc thửa 372, tờ bản đồ 16 tại phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long. Theo đó Công ty đã thanh toán tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê là 50 năm với số tiền 6.264.188.800 đồng. Mục đích sử dụng đất thuê: Thương mại, dịch vụ (TMD).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	Đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	102.789.852	155.142.617	653.331.093	651.108.010	115.179.280	169.755.128
Thuế TNDN	-	232.542.400	974.703.880	1.313.820.430	146.823.525	38.131.967
Thuế TNCN	-	73.124.722	564.935.962	517.247.571	-	120.813.113
Tiền thuê nhà, thuê đất	-	-	166.003.127	166.003.127	-	-
Các loại thuế khác	-	-	14.680.363	14.680.363	-	-
Cộng	102.789.852	460.809.739	2.373.654.425	2.662.859.501	262.002.805	328.700.208

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

15. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	10.873.291.886	90.782.720	3.971.456.188	119.809.800	157.704.488	15.213.045.082
Mua sắm trong năm	-	-	218.006.091	-	-	218.006.091
Giảm trong năm	-	-	365.204.340	40.989.800	-	406.194.140
Số cuối kỳ	10.873.291.886	90.782.720	3.824.257.939	78.820.000	157.704.488	15.024.857.033
Khấu hao						
Số đầu năm	5.306.166.116	90.158.371	2.591.662.515	119.809.800	128.134.895	8.235.931.696
Khấu hao trong năm	376.418.805	624.349	315.277.854	-	29.569.593	721.890.601
Giảm trong năm	-	-	365.204.340	40.989.800	-	406.194.140
Số cuối năm	5.682.584.921	90.782.720	2.541.736.029	78.820.000	157.704.488	8.551.628.158
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	5.567.125.770	624.349	1.379.793.673	-	29.569.593	6.977.113.386
Số cuối năm	5.190.706.965	-	1.282.521.910	-	-	6.473.228.875

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 3.512.181.256 đồng.

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm nợ vay tại ngày 31/12/2019 là 203.472.351 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không thời hạn (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	6.468.156.872	77.700.000	6.545.856.872
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	6.468.156.872	77.700.000	6.545.856.872
Khấu hao			
Số đầu năm	-	77.700.000	77.700.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	77.700.000	77.700.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	6.468.156.872	-	6.468.156.872
Số cuối năm	6.468.156.872	-	6.468.156.872

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài tại số nhà 363 Hưng Phú, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 151,2 m². Mục đích sử dụng: Dùng để xây dựng văn phòng làm việc Công ty.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng ng tại ngày 31/12/2019 là 77.700.000 đồng.

17. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2019	01/01/2019
Dự án siêu thị sách	429.842.122	287.846.100
Cộng	429.842.122	287.846.100

18. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.228.975.128	1.607.105.919
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	4.833.072.182	4.140.489.147
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	5.774.979.960	2.118.611.956
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	430.811.745	82.388.633
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	-	225.761.648
Các đối tượng khác	7.136.848.144	9.698.001.266
Cộng	19.404.687.159	17.872.358.569

Trong đó: Phải trả người bán là các bên có liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Công ty liên quan	31/12/2019	01/01/2019
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	5.774.979.960	2.118.611.956
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi Trẻ	477.400	3.780.000
Công ty CP Sách Dân Tộc	89.754.918	260.929.538
Công ty CP Sách đại học dạy nghề	199.000.668	339.416.728
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	16.235.160	41.388.732
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	430.811.745	82.388.633
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	46.504.467	45.903.974
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	146.627.593	241.627.593
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.228.975.128	1.607.105.919
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	78.830.000	46.022.000
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	49.727.966	25.347.998
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. HCM	45.273.580	290.085.580
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	108.897.500	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	-	225.761.648
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	730.436.741	789.978.271
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	4.833.072.182	4.140.489.147
Các đối tượng khác	195.786.515	141.142.259
Cộng	13.975.391.523	10.399.979.976

19. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Long Khánh	564.206.425	1.115.948.770
Phòng Giáo dục và Đào tạo Xuân Lộc	546.559.056	853.173.133
Phòng Giáo dục và Đào tạo Định Quán	599.274.747	544.985.647
Phòng Giáo Dục Trà Ôn	278.450.000	-
Các đối tượng khác	1.992.733.466	2.427.403.882
Cộng	3.981.223.694	4.941.511.432

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Chi phí bản thảo, biên tập	1.257.837.829	2.135.873.852
Chi phí hoa hồng môi giới	981.916.910	1.752.589.636
Chi phí phải trả về tiền chiết khấu bán hàng	5.000.000	40.000.000
Chi phí tiền vận chuyển	140.250.000	89.715.000
Chi phí phải trả lãi vay	-	984.376
Chi phí khác	65.000.000	65.000.000
Cộng	2.450.004.739	4.084.162.864

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Phải trả ngắn hạn khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	11.176.634
Cổ tức phải trả	3.736.824	2.963.500
Tài sản thừa chờ xử lý	-	18.135.720
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	43.000.000	43.000.000
Thù lao trả cho HĐQT	18.400.000	80.000.000
Phải trả khác	172.522.162	403.997.182
Cộng	237.658.986	559.273.036

b. Dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	470.747.350	472.000.000
Cộng	470.747.350	472.000.000

22. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	-	34.511.037.000	34.511.037.000	-
- Quỹ bình ổn sách giáo khoa Tỉnh Đồng Nai	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Vĩnh Long	-	14.511.037.000	14.511.037.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	112.500.000	52.500.000	112.500.000	52.500.000
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Vĩnh Long	112.500.000	52.500.000	112.500.000	52.500.000
Cộng	112.500.000	34.563.537.000	34.623.537.000	52.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn	112.500.000	150.000.000	107.500.000	155.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Vĩnh Long	112.500.000	150.000.000	107.500.000	155.000.000
Cộng	112.500.000	150.000.000	107.500.000	155.000.000
<i>Trong đó:</i>				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	90.000.000			52.500.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	22.500.000			102.500.000

Vay dài hạn ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long theo các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số 04/2015-HĐTDHM/NHCT800-CTCP SACH THIET BI VINH LONG ngày 01/04/2015 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ Ngày Giải ngân đầu tiên, số tiền vay là 450.000.000 đồng được đảm bảo từ tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 10,5%/năm và được điều chỉnh 01 tháng một lần. Mục đích sử dụng tiền vay là để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án: Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Vĩnh Long; Hạng mục: Xây dựng mới nhà làm việc.
- Hợp đồng cho vay số 49.15/2019-HĐCVTL/NHCT800-CONGTYSACH-TB ngày 25/04/2019 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân, số tiền vay là 150.000.000 đồng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9%/năm và được điều chỉnh 01 tháng một lần. Mục đích sử dụng tiền vay là để thanh toán chi phí mua xe ô tô tải.

23. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2018	41.370.000.000	2.228.569.586	(679.873.904)	5.124.109.429	9.344.823.773
Điều chỉnh hợp nhất		3.359.074	-	47.310.135	3.040.334
Tăng trong năm	-	-	-	44.287.735	5.186.643.553
Giảm trong năm	-	-	-	-	4.107.446.407
Số dư tại 31/12/2018	41.370.000.000	2.231.928.660	(679.873.904)	5.215.707.299	10.427.061.253
Số dư tại 01/01/2019	41.370.000.000	2.231.928.660	(679.873.904)	5.215.707.299	10.427.061.253
Điều chỉnh hợp nhất	-	16.109.735	-	(161.069.655)	200.535.940
Tăng trong năm	-	-	-	49.304.371	3.857.225.359
Giảm trong năm	-	-	-	-	8.988.779.085
Số dư tại 30/06/2019	41.370.000.000	2.248.038.395	(679.873.904)	5.103.942.015	5.496.043.467

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2019	01/01/2019
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	6.320.000.000	6.320.000.000
Cổ đông khác	34.110.000.000	34.110.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	940.000.000	940.000.000
Cộng	41.370.000.000	41.370.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.137.000	4.137.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	94.000	94.000
- Cổ phiếu phổ thông	94.000	94.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.043.000	4.043.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.043.000	4.043.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	10.427.061.253	9.344.823.773
Lợi nhuận sau thuế năm này	3.857.225.359	5.186.643.553
Điều chỉnh do hợp nhất	200.535.940	3.040.334
Phân phối lợi nhuận năm trước	4.945.779.085	4.107.446.407
- Trích quỹ đầu tư phát triển	49.304.371	44.287.735
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	9.860.874	-
- Thù lao cho HĐQT, Ban KS	35.013.840	20.158.672
- Trả cổ tức cho các cổ đông (*)	4.851.600.000	4.043.000.000
Phân phối lợi nhuận năm này	4.043.000.000	-
- Chia cổ tức (**)	4.043.000.000	-
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	5.496.043.467	10.427.061.253

(*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 64/NQ-SGD ngày 07/03/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(**) Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 319/NQHĐQT-SGD ngày 28/10/2019.

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu sách giáo khoa, sách tham khảo	97.914.074.043	111.766.086.029
Doanh thu bán hàng hóa	73.178.247.522	75.453.413.838
Doanh thu dịch vụ	1.477.090.912	1.456.363.639
Doanh thu khác	119.432.319	90.800.875
Cộng	172.688.844.796	188.766.664.381

25. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2019	Năm 2018
Hàng bán bị trả lại	347.271.076	1.111.720.709
Chiết khấu thương mại	2.834.409.915	2.514.050.690
	3.181.680.991	3.625.771.399

26. Giá vốn hàng bán

	Năm 2019	Năm 2018
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	82.983.884.652	89.676.734.807
Giá vốn của hàng hóa	62.524.810.914	63.886.385.215
Giá vốn hoạt động khác	51.491.036	134.241.256
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.502.575.181)	(190.267.866)
Cộng	143.057.611.421	153.507.093.412

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.337.421.146	967.445.236
Cổ tức, lợi nhuận nhận được chia	372.430.000	49.664.167
Chiết khấu thanh toán nhanh	347.006.536	264.240.201
Lãi từ bán chứng khoán kinh doanh	9.196.800	180.401.219
Tiền lãi từ hợp tác kinh doanh	72.600.000	138.600.000
Cộng	2.138.654.482	1.600.350.823

28. Chi phí tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	383.941.501	461.115.022
Chi phí lãi vay	79.235.986	113.026.266
Chiết khấu thanh toán nhanh	-	33.956.000
Cộng	463.177.487	608.097.288

29. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2019	Năm 2018
Tiền lương, các khoản trích theo lương	6.516.588.402	7.154.719.091
Chi phí vận chuyển	2.392.078.530	1.670.779.302
Hoa hồng môi giới, phí phát hành	912.800.146	2.110.132.783
Các khoản khác	2.219.586.684	3.065.236.460
Cộng	12.041.053.762	14.000.867.636

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2019	Năm 2018
Tiền lương, các khoản trích theo lương	5.164.485.071	5.660.483.463
Khấu hao TSCĐ	507.170.737	132.207.876
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	789.217.406	464.119.204
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	105.411.956	-
Các khoản khác	3.519.972.174	4.876.098.956
Cộng	10.086.257.344	11.132.909.499

30. Thu nhập khác

	Năm 2019	Năm 2018
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	1.818.182	-
Thu nhập khác	168.323.225	105.340.571
Cộng	170.141.407	105.340.571

31. Chi phí khác

	Năm 2019	Năm 2018
Truy thu và nộp phạt	30.279.775	23.142.417
Các khoản khác	170.404.139	103.776.119
Cộng	200.683.914	126.918.536

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019	Năm 2018
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.967.175.766	7.470.698.005
Các khoản điều chỉnh để xác định LN chịu thuế TNDN	(739.566.406)	595.966.944
- Các khoản điều chỉnh tăng	557.934.145	645.631.111
+ Chi phí lãi vay không được trừ theo ND20/2017/ND-CP ngày 24/02/2017	260.220.285	381.472.083
+ Lợi thế thương mại phân bổ	131.873.361	131.873.361
+ Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	204.775	23.142.417
+ Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	135.000.000	96.000.000
+ Các khoản khác	30.635.724	13.143.250
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.297.500.551	49.664.167
+ Cổ tức được chia	1.297.500.551	49.664.167
Tổng thu nhập chịu thuế	5.227.609.360	8.066.664.949
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	974.703.880	1.481.661.353
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm này	974.703.880	1.439.976.147
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm này		41.685.206

33. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.857.225.359	5.186.643.553
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	(44.874.714)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao HĐQT và BKS)	-	44.874.714
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.857.225.359	5.141.768.839
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.043.000	4.043.000
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	954	1.272

34. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.609.427.565	7.594.668.740
Chi phí nhân công	11.681.073.473	12.815.202.554
Chi phí khấu hao tài sản cố định	721.890.601	735.808.664
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.661.766.183	9.332.992.990
Chi phí khác bằng tiền	6.285.199.578	6.290.661.939
Cộng	26.959.357.400	36.769.334.887

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là xuất bản, kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

36. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản và đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty bao gồm các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các đại lý, Sở giáo dục, trường học..., các Công ty không nằm trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam:

- Đối với khách hàng là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống thanh toán tiền hàng kịp thời, do đó Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.
- Đối với khách hàng là các đại lý, Sở Giáo dục, trường học, các Công ty không thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Công ty có quy định chặt chẽ về điều khoản thanh toán trong hợp đồng mua bán, theo đó quy định hạn mức nợ tối đa cho phép của khách hàng. Chủ tịch HĐQT Công ty cho rằng với chính sách về tín dụng được quy định cụ thể như vậy sẽ giảm thiểu được rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	19.404.687.159	-	19.404.687.159
Chi phí phải trả	2.450.004.739	-	2.450.004.739
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	52.500.000	102.500.000	155.000.000
Phải trả khác	237.658.986	470.747.350	708.406.336
Cộng	22.144.850.884	573.247.350	22.718.098.234
01/01/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	17.872.358.569	-	17.872.358.569
Chi phí phải trả	4.084.162.864	-	4.084.162.864
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	112.500.000	22.500.000	135.000.000
Phải trả khác	529.960.682	472.000.000	1.001.960.682
Cộng	22.598.982.115	494.500.000	23.093.482.115

Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	19.452.998.195	-	19.452.998.195
Phải thu khách hàng	13.755.044.889	-	13.755.044.889
Phải thu về cho vay	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Đầu tư tài chính	5.020.723.617	1.516.244.306	6.536.967.923
Phải thu khác	515.752.093	-	515.752.093
Cộng	48.744.518.794	1.516.244.306	50.260.763.100
01/01/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	26.368.087.434	-	26.368.087.434
Phải thu khách hàng	20.681.014.741	-	20.681.014.741
Đầu tư tài chính	5.185.530.423	1.780.085.001	6.965.615.424
Phải thu khác	450.200.080	-	450.200.080
Cộng	52.684.832.678	1.780.085.001	54.464.917.679

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

37. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục")	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hà Nội	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán học và tuổi Trẻ	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán tuổi thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách đại học dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học Liệu (EMCO)	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
CN Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển trường phổ thông CN Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư CMC	Chung nhà đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm

Công ty liên quan	Năm 2019	Năm 2018
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Sách Đại Học Dạy nghề	-	12.600.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	198.940.823	9.403.645.252
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	-	587.983.253
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo dục Hà Nội	40.678.780	-
Công ty CP Học Liệu (EMCO)	59.229.332	140.147.810
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	1.319.427.264	1.194.109.108
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	303.300.360	675.292.580
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	334.368.417	559.426.860
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	17.030.000	43.214.800
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	2.175.355.800	2.280.800.500
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	-	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	3.129.018.260	2.732.954.040
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	95.567.840	151.032.000
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	405.361.171	616.010.054
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	159.953.501	333.151.035
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	487.888.180	661.326.481
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	1.704.161.240	3.263.828.837
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	394.420.131	875.232.336
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. Hồ Chí Minh	-	-
Mua hàng		
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	10.861.824.160	9.952.322.230
Tạp Chí Toán học và Tuổi trẻ	7.799.400	38.179.100
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	-	17.031.960
Công ty CP Sách Dân Tộc	128.825.380	22.039.425
Công ty CP Sách đại học dạy nghề	161.138.900	376.318.340
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	226.736.560	295.638.560
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	351.461.112	731.607.370
Công ty CP Đầu Tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	28.420.136.055	12.069.823.529
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	32.808.000	46.022.000
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	-	24.031.077
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	2.265.894.809	1.586.863.700
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	2.318.364.985	2.014.464.897
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	1.664.550.736	845.813.544
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. HCM	184.585.200	901.597.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	678.897.500	1.165.316.380
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	13.452.784.144	12.703.450.353
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	35.455.145.108	1.537.054.798
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Miền Trung	-	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	3.032.621.850	3.579.694.940
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	10.130.082.590	27.000.505.711
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	-	-
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	-	491.610.390
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	3.824.625.100	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Công ty liên quan Năm 2019 Năm 2018

Công ty CP Đầu tư CMC
Cho vay

10.000.000.000

-

c. Các giao dịch khác

		Năm 2019	Năm 2018
Ban Tổng Giám đốc	Tiền lương, tiền thưởng	605.278.000	612.616.000
Hội đồng quản trị	Tiền thù lao	162.600.000	183.600.000

38. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

39. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi AAC.

Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Ái Bình

Nguyễn Thị Lan Phương

Đỗ Thị Ngọc Hà

Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020